

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ TUYỀN QUANG
TỈNH TUYỀN QUANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **279 /2018/HNGĐ-ST**

Ngày 10/10/2018

V/v “*Tranh chấp về quan hệ hôn nhân*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TUYỀN QUANG, TỈNH TUYỀN QUANG

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Lan

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Tường và bà Lê Thị Thảo

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phương Dung - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Tuyền Quang, tỉnh Tuyền Quang.

- Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tuyền Quang tham gia phiên tòa: Ông Vũ Khánh Đại- Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 10 năm 2018, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Tuyền Quang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 103/2018/HNGĐ-ST, ngày 02/5/2018 về việc tranh chấp hôn nhân và gia đình, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 28/2018/QĐST-HNGĐ, ngày 21/9/2018 giữa các đương sự:

** Nguyên đơn:* Chị Hoàng Thị Thu H, sinh năm 1988.

Nơi ĐKKHKT: Thôn Hưng Kiều 1, xã A T, thành phố T, tỉnh Q.

Nơi ở: thôn Sông Lô 4, xã A T, thành phố T, tỉnh Q.

- Bị đơn: Anh Nguyễn Thanh L, sinh năm 1982.

Nơi ĐKKHKT: Thôn Hưng Kiều 1, xã A T, thành phố T, tỉnh Q

Chị H, anh L có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai và biên bản hòa giải, nguyên đơn chị Hoàng Thị Thu H trình bày: Chị và anh Nguyễn Thanh L sau một thời gian quen biết, tìm hiểu đã quyết định đi đến hôn nhân một cách tự nguyện. Chị H và anh L đăng ký kết hôn ngày 21/11/2011 tại UBND xã T, huyện Y S, tỉnh Q. Sau khi kết hôn về chung sống với nhau tại thôn Hưng Kiều 1, xã A T, thành phố T. Quá trình chung sống thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc đến khoảng năm 2014 phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống từ cách nuôi dạy con đến kinh tế trong gia đình, vợ chồng không chia sẻ được gì với nhau. Anh L luôn sống và đặt ra nguyên tắc và thực hiện theo nguyên tắc, chị thấy ngột ngạt đến mức không thiết sống, cũng đã nhiều lần viết đơn xin ly hôn cả hai vợ chồng cùng ký vào đơn ly hôn. Sau đó vì con còn nhỏ vì bố mẹ hai bên gia đình chị đã bỏ qua để vợ chồng cùng nhau xây dựng gia đình. Nhưng anh L không thay đổi được tính nết. Những lúc không đúng ý có lần anh L đánh chửi và đuổi chị ra khỏi nhà. Mâu thuẫn vợ chồng đã được gia đình đôi bên hòa giải, tuy nhiên sau đó vợ chồng lại phát sinh mâu thuẫn và ngày càng trầm trọng. Từ tháng 12 năm 2017 cho đến nay chị và anh L sống ly thân, không ai còn quan tâm đến ai. Đến tháng 02 năm 2018 chị đã thuê nhà ra ở riêng, tại thôn Sông Lô 4, xã A T, thành phố T, tỉnh Q, trong thời gian sống ly thân và thời gian chị thuê nhà ra ngoài ở, chỉ những việc liên quan đến con thì chị và anh L trao đổi, còn ngoài ra không ai nói chuyện gì với ai. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể hàn gắn và tiếp tục cùng nhau chung sống được nữa, mục đích hôn nhân không đạt được. Chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh L theo quy định của pháp luật.

Về con chung: Chị H trình bày vợ chồng tôi có 01 con chung tên là Nguyễn Khánh L, sinh ngày 29/9/2012. Ly hôn chị xin được nuôi con chung cháu Nguyễn Khánh L, yêu cầu anh L phải cấp dưỡng nuôi con chung 2.000.000đ/tháng, phương thức cấp dưỡng được thực hiện định kỳ hàng tháng cho đến khi cháu Khánh L đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung: Chị H xác định vợ chồng có tài sản chung, tuy nhiên chị và anh L tự nguyện thỏa thuận, không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về vay nợ: Chị H xác định vợ chồng không vay ai hay cho ai vay nợ nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai, biên bản hòa giải, bị đơn anh Nguyễn Thanh L trình bày: Về điều kiện hoàn cảnh kết hôn như chị H trình bày là đúng. Sau khi kết hôn chúng tôi về chung sống ở thôn Hưng kiều 1, xã A T, thành phố T, tỉnh Q. Quá trình chung sống vợ chồng hạnh phúc, theo anh không phát sinh mâu thuẫn lớn, anh có đánh chửi vợ nhưng do anh bột phát thôi. Anh thừa nhận vợ chồng không hoà hợp với nhau trong cuộc sống, trong

cách cư xử đối nhân xử thế, trong cách nuôi dạy con cái. Nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, chị H không bao giờ chia sẻ những điểm không đồng ý với anh nên anh không biết để sửa chữa. Mâu thuẫn của vợ chồng được gia đình đôi bên hòa giải, tuy nhiên sau đó vợ chồng lại phát sinh mâu thuẫn từ tháng 12 năm 2017 anh chị đã sống ly thân, chị H ở trên tầng 2 còn anh ở tầng một, không nói chuyện gì với nhau, không ăn cơm chung. Đến tháng 2 năm 2018 do mâu thuẫn ngày càng căng thẳng chị H đã dọn ra ngoài ở riêng, vợ chồng sống ly thân từ đó cho đến nay.

Nay chị H xin ly hôn, anh không đồng ý vì tình cảm của anh đối với vợ vẫn còn, anh hứa sẽ sửa chữa để gia đình được hạnh phúc.

Về con chung: Anh L xác định có 01 con chung tên là Nguyễn Khánh L, sinh ngày 29/9/2012. Ly hôn anh nhất trí để chị H nuôi con chung cháu Nguyễn Khánh L, nhất trí cấp dưỡng nuôi con chung 2.000.000đ/tháng.

Về tài sản chung: Anh và chị H có tài sản chung nhưng anh chị tự nguyện thỏa thuận, không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về vay nợ: Anh và chị H không vay ai hay cho ai vay nợ nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, nguyên đơn chị Hoàng Thị Thu H vẫn giữ nguyên các ý kiến đã trình bày đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Thanh L, chị đề nghị được nuôi con chung là cháu Nguyễn Khánh L yêu cầu anh L phải cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng là 2.000.000đ, việc cấp dưỡng định kỳ hàng tháng kể từ tháng 11/2018. Về tài sản chung chị và anh L tự nguyện thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về vay nợ chung chị và anh L không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Anh Nguyễn Thanh L trình bày theo anh không phát sinh mâu thuẫn lớn, anh có đánh chửi vợ nhưng do anh bột phát. Anh thừa nhận vợ chồng không hoà hợp với nhau trong cuộc sống, trong cách cư xử đối nhân xử thế, trong cách nuôi dạy con cái. Nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, anh không nhất trí ly hôn với chị H.

Về con chung: Anh nhất trí để chị H được trực tiếp, nuôi dưỡng, chăm sóc giáo dục con chung là Nguyễn Khánh L, nhất trí cấp dưỡng nuôi con chung 2.000.000đ/tháng kể từ tháng 11 năm 2018 đến khi con chung trưởng thành đủ 18 tuổi. Về tài sản chung tự nguyện thỏa thuận về vay nợ chung không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự và ý kiến về việc giải quyết vụ án: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký Tòa án từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử, của Hội đồng xét xử từ khi mở phiên tòa đến khi kết thúc đều thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự; Việc chấp hành pháp luật của đương sự: Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đúng quy định của pháp luật. Về việc giải

quyết vụ án: Đề nghị HĐXX chấp nhận theo đơn xin ly hôn của chị H xử cho chị H được ly hôn với anh L. Công nhận sự thoả thuận của đương sự về con chung như sau. Giao con chung là Nguyễn Khánh L, sinh ngày 29/9/2012 cho chị Hoàng Thị Thu H trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Anh Nguyễn Thanh L phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị H, mỗi tháng là 2.000.000đ phương thức định kỳ hàng tháng, kể từ tháng 11/2018 cho đến khi cháu đủ 18 tuổi. Anh L có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Về tài sản chung tự nguyện thoả thuận về vay nợ chung không có nên không xem xét giải quyết

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn chị Hoàng Thị Thu H yêu cầu Toà án giải quyết được ly hôn với anh Nguyễn Thanh L. Đây là tranh chấp hôn nhân gia đình về “Ly hôn” thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân thành phố Tuyên Quang theo quy định tại khoản 1 Điều 28; Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

* Quan hệ hôn nhân: Chị Hoàng Thị Thu H và anh Nguyễn Thanh L sau một thời gian quen biết, tìm hiểu đã quyết định đi đến hôn nhân một cách tự nguyện. chị H và anh L đăng ký kết hôn ngày 21/11/2011 tại UBND xã T, huyện Y S, tỉnh Q. Như vậy quan hệ hôn nhân của anh chị là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống chị H và anh L đều cho rằng anh chị sống với nhau thời gian đầu vợ chồng hòa thuận, hạnh phúc đến năm 2014 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống về cách chăm sóc, nuôi dạy con cái về kinh tế trong gia đình. Hơn nữa tính cách không hoà hợp chị H là người ít nói, ngược lại anh L là người nói nhiều chảnh chu, khuôn khổ thực hiện đúng các nhiệm vụ giờ giấc mà anh chị tự đặt ra cho nhau. Do vậy, khi mâu thuẫn anh L có đánh chửi và đuổi chị H ra khỏi nhà. Từ tháng 12 năm 2017 anh chị đã sống ly thân chị H sống ở trên tầng 2, anh L sống dưới tầng 1 chỉ những chuyện liên quan đến con cái thì anh chị mới nói chuyện với nhau. Nhưng vẫn tiếp tục mâu thuẫn anh L có đánh chửi chị H không chịu đựng được nên từ tháng 2 năm 2018 chị H đã mang theo con gái thuê nhà ra ở riêng. Cũng từ đó anh chị lại sống ly thân cho đến nay.

Trong thời gian anh chị sống ly thân anh chị không quan tâm gì đến nhau, anh L thì thoảng đón con gái về chơi vài ngày rồi lại đưa con về cho chị H. Anh muốn nói chuyện để vợ chồng đoàn tụ nhưng chị H nói đã muộn rồi nên anh không sửa đổi được gì, không cải thiện được mâu thuẫn vợ chồng. Gia đình hai bên nội ngoại đã hoà giải nhiều lần nhưng không thành. Nay chị H xác định vợ chồng đã sống ly thân không còn quan tâm đến nhau nữa. Chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh L. Anh L xác định vợ chồng đã sống ly thân từ lâu nhưng anh vẫn còn tình cảm vợ chồng anh không đồng ý ly hôn.

Xét thấy chị H cương quyết ly hôn. Về quan hệ hôn nhân của chị H và anh L mâu thuẫn từ trước và đã sống ly thân. Chị H đã nhiều lần viết đơn xin ly hôn cả hai vợ chồng cùng ký đơn nhưng sau đó chị H đã tha thứ tiếp tục chung sống với anh L. Anh chị bất đồng quan điểm sống trong mọi việc. Qua xác minh tại thôn Hưng Kiều 1, xã A T, thành phố T, tỉnh Q thể hiện chị H và anh L sống rất kín đáo không thấy đánh cãi chửi nhau để thôn phải hoà giải. Qua nắm bắt được biết chị H và anh L bất đồng quan điểm sống, chị H đã thuê nhà ra ở riêng từ tháng 02/2018 vợ chồng ly thân từ đó đến nay, không còn quan tâm đến nhau nữa. Điều này chứng tỏ tình trạng quan hệ hôn nhân giữa chị H và anh L đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Xét yêu cầu ly hôn của chị H là có căn cứ, vì vậy xử cho chị Hoàng Thị Thu H được ly hôn với anh Nguyễn Thanh L là phù hợp quy định tại điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

* Về con chung: Công nhận sự thoả thuận của đương sự giao con chung là Nguyễn Khánh L, sinh ngày 29/9/2012 cho chị Hoàng Thị Thu H được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Anh L có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung 2.000.000đ/1 tháng, thời gian cấp dưỡng kể từ tháng 11 năm 2018 cho đến khi cháu L đủ 18 tuổi, phương thức cấp dưỡng được thực hiện định kỳ hàng tháng.

* Về tài sản chung: Chị H và anh L cùng xác định có tài sản chung nhưng tự nguyện thoả thuận, chị H anh L không đề nghị Tòa án giải quyết. Nên HĐXX không xem xét

* Về vay nợ: Chị H và anh L không vay ai hay cho ai vay nợ nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Nên HĐXX không xem xét

[3] Về án phí: Chị Hoàng Thị Thu H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm; anh Nguyễn Thanh L phải nộp án phí cấp dưỡng nuôi con. Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng: Điều 28; Điều 39; 147; 220; 266 Bộ luật tố tụng dân sự

Điều 51; 55; 56; 81; 82, 83, 84, 107, 110, 116, 117 Luật Hôn nhân và gia đình.

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị Hoàng Thị Thu H

1. Xử cho chị Hoàng Thị Thu H được ly hôn với anh Nguyễn Thanh L.

2. Công nhận sự thoả thuận của chị Hoàng Thị Thu H và anh Nguyễn Thanh L. Giao con chung là Nguyễn Khánh L, sinh ngày 29/9/2012 cho chị Hoàng Thị Thu H được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Anh L có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung 2.000.000đ/1 tháng, thời gian cấp dưỡng kể từ tháng 11 năm 2018 cho đến khi cháu L đủ 18 tuổi, phương thức cấp dưỡng được thực hiện định kỳ hàng tháng. Anh L có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, bên có nghĩa vụ thi hành án chậm trả tiền thì còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

3. Án phí: Chị Hoàng Thị Thu H phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí sơ thẩm ly hôn, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số 0005177 ngày 02/5/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang. Chị H đã nộp đủ án phí. Anh Nguyễn Thanh L phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí của người có nghĩa vụ cấp dưỡng.

Chị Hoàng Thị Thu H anh Nguyễn Thanh L có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

" Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 luật thi hành án dân sự".

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND TP. Tuyên Quang(02 bản);
- Chi cục THADS TP. Tuyên Quang;
- UBND xã Tr S, huyện Y S;
- Các đ- ơng sự;
- L- u hồ sơ vụ án.

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Ngọc Lan

